

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/HNGĐST

Ngày: 29/8/2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thùy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Ánh Khôi.

2. Ông Nguyễn Văn Thư.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Lan Vi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Văn Cảnh, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/TLST-HNGĐ ngày 20/7/2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/8/2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Quốc V, sinh năm: 1979, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Q.

2. **Bị đơn:** Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm: 1982, địa chỉ: Thôn TI, xã T, huyện N, tỉnh Q.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc V trình bày:

Ông Nguyễn Quốc V và bà Phạm Thị Thu H tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng có tổ chức lễ cưới 2006 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 2007. Vợ chồng sống hạnh phúc năm 2023 mới phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng có bất đồng quan điểm. Ông V về nhà ông V ở TX, xã T từ tháng 5/2023, bà H vẫn ở nhà của mình tại thôn T, xã T. Nay tình cảm vợ chồng đã hết, ông V làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn bà H.

Về con chung: Có hai con chung gồm Nguyễn Phạm Hồng A, sinh năm 2007; Nguyễn Quốc Nh, sinh năm: 2011. Nếu ly hôn ông V đồng ý giao con cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Phạm Thị Thu H trình bày:

Về điều kiện và thời gian kết hôn bà H đồng ý như ông V khai, vợ chồng có tổ chức lễ cưới năm 2006 và đăng ký kết hôn năm 2007 tại UBND xã , huyện N, tỉnh Q. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do làm ăn thua lỗ, áp lực từ gia đình bên vợ. Tuy nhiên mâu thuẫn giữa bà H và ông V không nghiêm trọng. Mặc dù ông V có đi khỏi nhà sống ở nơi khác từ tháng 5/2023 đến nay nhưng đó là do nóng giận suy nghĩ chưa thấu tình. Nay tình cảm vợ chồng vẫn còn, ông V làm đơn ly hôn thì bà H không đồng ý, yêu cầu Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ về xây dựng gia đình.

Về con chung: Có hai con chung gồm Nguyễn Phạm Hồng A, sinh năm 2007; Nguyễn Quốc Nh, sinh năm: 2011. Nếu ly hôn bà H thống nhất nhận nuôi cả hai con, việc cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa: Ông V và bà H thống nhất nếu ly hôn thì giao hai con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Về việc nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Quốc V được ly hôn với bà Phạm Thị Thu H. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: con chung Nguyễn Phạm Hồng A, Nguyễn Quốc Nh giao cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, các đương sự không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết; về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Quốc V có đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với bà Phạm Thị Thu H, trú tại: Thôn T, xã T, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

[3.1] Ông Nguyễn Quốc V và bà Phạm Thị Thu H tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Núi Thành

vào năm 2007. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà H là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Ông V về nhà ông V ở TX, xã T từ tháng 5/2023, bà H vẫn ở nhà của mình tại T, xã T cho đến nay. Ông V cho rằng tình cảm vợ chồng đã hết nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn bà H. Bà H thừa nhận việc vợ chồng không sống chung từ tháng 5/2023 đến nay, nhưng theo bà nguyên nhân mâu thuẫn do bản thân ông V bị áp lực kinh tế cùng với áp lực từ phía gia đình vợ (vợ chồng đang sống ở nhà trên đất của ba mẹ vợ cho) nên tổn thương trong lòng chứ vợ chồng không hề có xô xát, cãi vã nhau nên mâu thuẫn không nghiêm trọng, bà H không đồng ý ly hôn.

[3.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm hòa giải cho hai bên khắc phục mâu thuẫn quay về đoàn tụ nhưng không thành do ông V cương quyết ly hôn, không còn tình cảm với bà H. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông V và bà H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng phần ai nấy sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho ông Nguyễn Quốc V được ly hôn với bà Phạm Thị Thu H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] **Về con chung:** ông Nguyễn Quốc V và bà Phạm Thị Thu H có hai con chung tên lần lượt là Nguyễn Phạm Hồng A, sinh năm 2007; Nguyễn Quốc Nh, sinh năm: 2011. Ông V và bà H thống nhất thỏa thuận giao hai con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Việc thỏa thuận của ông V và bà H không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật cũng như ý kiến của cháu A và cháu Nh đều muốn được ở với mẹ. Do vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của ông V và bà H về phần con chung là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] **Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Hội đồng xét xử đã giải thích cho bà H và ông V về quyền và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cũng như quyền lợi của các con, tuy nhiên ông V và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[5] **Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung:** Ông Nguyễn Quốc V, bà Phạm Thị Thu H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét

[6] **Về án phí hôn nhân – đình sơ thẩm:** Ông Nguyễn Quốc V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc V về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” đối với bị đơn bà Phạm Thị Thu H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quốc V được ly hôn với bà Phạm Thị Thu H.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Công nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Quốc V và bà Phạm Thị Thu H, giao con chung là Nguyễn Phạm Hồng A, sinh năm 2007 và Nguyễn Quốc Nh, sinh năm: 2011 cho bà Phạm Thị Thu H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

Ông Nguyễn Quốc V được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở ông Việt thực hiện quyền này. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Quốc V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông V đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000120 ngày 20/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Núi Thành;
- Chi cục THADS huyện Núi Thành;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- UBND thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Thùy